

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

-----***-----

Bản án số: 49/2019/HSST
Ngày 04 tháng 6 năm 2019.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
-----***-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tuân- Nguyên Bí thư Đoàn xã Phùng Hưng.
2. Bà Lê Thị Oanh. Nguyên phó bí thư huyện Đoàn huyện Khoái Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 10/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/QĐXXST-HS ngày 22/5/2019 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thành T, sinh ngày 15/02/2002

HKTT và chỗ ở: thôn P, Thị trấn K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Thành H, sinh năm 1977; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; Anh, chị em ruột: Có 2 người, bị can là thứ 2; Vợ, con: chưa có.

- Tiền án: chưa có;

- Tiền sự: Ngày 25/7/2018, T bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác;

Ngày 24/8/2018, bị Ủy ban nhân dân xã V xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

T đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện cho bị cáo T:

- Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1977. (có mặt)
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn P, Thị trấn K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Thế Anh – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước tỉnh Hưng Yên. (có mặt)

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị U', sinh năm 1987 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn I, xã X, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành Â, sinh năm 1966; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn P, Thị trấn K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
2. Anh Lê Đình N, sinh năm 2002. (vắng mặt)
Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
3. Anh Đỗ Chí B, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Trú tại: Thôn Ô, xã K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài nên Nguyễn Thành T sinh ngày 15/02/2002 nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty biển số 89M1-04078 của gia đình ông Nguyễn Thành Â ở thôn P, Thị trấn K. Khoảng 16 giờ ngày 29/9/2018 T đi bộ đến nhà ông Â thì thấy chiếc xe mô tô biển số 89M1-04078 dựng tại sân và vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện. Tuy nhiên lúc này gia đình ông Â có đông người nên T không thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Quan sát xung quanh không thấy ai để ý, T rút chiếc chìa khóa xe mô tô cất vào túi quần rồi rời khỏi nhà ông Â. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T quay lại nhà ông Â thì thấy ông Â đang ngủ trong nhà, xung quanh không có ai nên T đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô biển số 89M1-04078 rồi dắt xe ra đầu ngõ. Sau đó T dùng chìa khóa đã lấy lúc trước cắm vào ổ khóa xe rồi nổ máy điều khiển xe đi đến quán internet “E” ở thôn An Thái, xã V, huyện Khoái Châu chơi game. Tại đây T gặp anh Lê Đình N sinh năm 2002 ở thôn Đ, xã D nên T rủ N đi xe mô tô của N, còn T đi xe mô tô vừa trộm cắp được cùng đến nhà anh Lê Z, sinh năm 2000 ở thôn 2, xã Ô, huyện Khoái Châu. Khi đến nhà Z, T không thấy có ai ở nhà, cửa không khóa nên T cất chiếc xe mô tô biển số 89M1- 04078 ở sân phía sau nhà Z rồi nhờ N chở về chơi game tại quán “E”. Đến 08 giờ ngày 30/9/2018 T và N về nhà anh Z ngủ (nhà Z không có ai ở nhà). Khoảng 14 giờ cùng ngày, T nhờ N đi cầm cố chiếc xe mô tô biển số 89M1- 04078, N nghĩ rằng xe là tài sản của T nên đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô trên chở N đến nhà anh Đỗ Chí B sinh năm 1990 ở thôn Ô, xã K, huyện Khoái Châu. Tại đây T đứng ngoài chờ, N đi vào bên trong nhờ anh B sửa xe rồi hỏi vay anh B 3.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào lấy xe sẽ trả lại tiền. Anh B không biết chiếc xe là tài sản do T trộm cắp mà có nên cho N vay số tiền 2.700.000 đồng và giữ lại chiếc xe trên. N cầm tiền đưa cho T rồi cả hai quay về khu vực Thị trấn K, số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình ông A đã có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã T hành khám nghiệm hiện trường, quản lý chiếc xe mô tô biển số 89M1- 04078 do anh B giao nộp và yêu cầu định giá đối với chiếc xe mô tô trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 114 ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio, loại xe Liberty màu xanh gắn biển số 89M1-04078 có giá thị trường tại thời điểm ngày 29/9/2018 là 16.917.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 89M1-04078 là của chị Nguyễn Thị U sinh năm 1987 ở thôn Hạ Linh, xã X, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ngày 29/9/2018 chị U gửi chiếc xe trên tại nhà bố đẻ là ông Nguyễn Thành A.

Đối với Lê Đình N, hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai. Tuy nhiên, T khai N không biết chiếc mô tô biển số 89M1-04078 là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với N. Đối với anh Đỗ Chí B mặc dù có cho N vay tiền và giữ lại chiếc xe mô tô biển số 89M1-04078 nhưng anh B không biết chiếc xe trên là tài sản do T trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/11/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị U chiếc xe mô tô biển số 89M1-04078, chị U nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Sau khi sự việc xảy ra, T đã bồi thường cho anh B số tiền là 2.700.000 đồng nên anh B không yêu cầu, đề nghị gì.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thái độ ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản cáo trạng số: 48/C - VKS - KC ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Thành T thành khẩn nhận tội và khai nhận như nội dung Cáo trạng đã truy tố, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Do bị cáo phạm tội lần đầu, là người chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và đặc biệt đối với người chưa thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được cải tạo tại địa phương.

Người đại diện của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được cải tạo tại địa phương.

Người bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện quan điểm đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thành T về “Tội trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm

2015 sửa đổi, bổ sung 2017; Xử phạt Nguyễn Thành T từ 06 tháng đến 09 tháng tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ ngày 29/9/2018, tại nhà ông Nguyễn Thành Â, thôn P, Thị trấn K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Nguyễn Thành T đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty, biển kiểm soát 89M1-04078 của chị Nguyễn Thị U trị giá 16.917.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thành T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, gây tâm lý hoang mang và bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo muốn có tiền tiêu sài nhưng không chịu lao động chân chính, muốn kiếm tiền trên mồ hôi, công sức của người khác, bất chấp pháp luật và luân thường, đạo lý.

Mặc dù bị cáo là người chưa thành niên, đang độ tuổi đến trường nhưng bị cáo không chịu H tập, tu dưỡng, rèn luyện, không chịu lao động chân chính. Đã hai lần T bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài H mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải được xử lý thật nghiêm minh, buộc bị cáo T phải chịu hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét độ tuổi của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp với bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Ngày 24/8/2018, bị cáo T bị Ủy ban nhân dân xã V, huyện Khoái Châu xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Tiền sự: Ngày 25/7/2018, bị cáo T bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại vì vậy thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Sau khi người bị hại nhận lại tài sản đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, do đó bị cáo sẽ được áp dụng các quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là người chưa thành niên, sống còn phụ thuộc gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo trộm cắp là chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty, biển kiểm soát 89M1-04078 của chị Nguyễn Thị U. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại, người bị hại nhận lại tài sản không có đề nghị gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không phải giải quyết. Đối với số tiền 2.700.000 đồng mà bị cáo nhờ N cầm cố chiếc xe để vay của anh Đỗ Chí B sau khi cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe mô tô và trả lại cho chị U là chủ sở hữu bị cáo đã cùng gia đình trả lại số tiền 2.700.000 đồng cho anh B, anh B nhận lại và không có yêu cầu gì thêm nên không phải xem xét giải quyết.

Đối với Lê Văn N, hiện tại không có mặt tại địa phương nên cơ quan Công an chưa lấy được lời khai. Mặt khác, bị cáo T khai nhận khi bảo N mang xe đi cầm cố lấy tiền bị cáo không nói cho N biết chiếc xe trên là do T trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Đỗ Chí B, là người đã cầm cố chiếc xe máy do T trộm cắp. Tuy nhiên, B không biết chiếc xe đó do T trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải T chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 4, 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa, người đại diện của bị cáo, vắng mặt người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho bị cáo và những người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết nơi người vắng mặt cư trú./.

Nơi nhận :

- VKSND H Khoái Châu;
- VKSND Tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Khoái Châu.
- Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND Thị trấn K;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Tân